

Hội An, ngày 19 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thu – chi NSNN 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2017.

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của HĐND Thành phố về dự toán thu – chi NSNN năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2017, UBND Thành phố báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi NSNN ước 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2017, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện thu – chi NSNN 6 tháng đầu năm 2017

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: (Biểu 01)

Dự toán (NQ HĐND giao): 1.003.279 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu năm: 601.707 triệu đồng, đạt 59,97% dự toán và tăng 23,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu NSNN trên địa bàn: 520.664 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 81.043 triệu đồng.

* **Tổng thu NSNN:** (chưa loại trừ tiền sử dụng đất, bán nhà): 601.707 triệu đồng. Trong đó:

- Tiền sử dụng đất: 134.000 triệu đồng. Gồm đất thuộc tỉnh quản lý thu: 24.000 triệu đồng; đất thuộc Thành phố quản lý thu: 110.000 triệu đồng, đạt 57,89% so với dự toán (190.000 triệu đồng).

- Tiền bán nhà : 1.046 triệu đồng, đạt 2,62% dự toán.

* **Tổng thu NSNN:** (đã loại trừ tiền sử dụng đất, bán nhà). Dự toán: 773.279 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm: 466.661 triệu đồng, đạt 60,35% dự toán và tăng 21,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Các khoản thu NSNN trên địa bàn: Dự toán 680.031 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm: 385.618 triệu đồng, đạt 56,71% dự toán và tăng 49,40% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: Dự toán: 93.248 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm: 81.043 triệu đồng, đạt 86,91% dự toán và đạt 63,94% so với cùng kỳ năm trước.

1. Các khoản thu trên địa bàn:

a. **Thu phát sinh kinh tế:** 282.467 triệu đồng, đạt 57,82% dự toán, tăng 48,83% so với cùng kỳ năm trước (Chi tiết theo Biểu số 01A đính kèm). Trong đó:

- Cục Thuế quản lý thu:

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn thu	Dự toán Tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ đạt so với dự toán (%)
	Tổng thu	199.731	120.313	60,24
1	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	37.900	20.596	54,34
2	Thu từ các DN ngoài quốc doanh	83.759	58.019	69,27
3	Thuế thu nhập cá nhân	13.500	11.000	81,48
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	7.000	5.500	78,57
5	Thu phí và lệ phí	900	900	100,00
6	Thu từ DNNN	54.672	22.898	41,88
7	Thu khác ngân sách	2.000	1.400	70,00

Các khoản thu chưa đạt dự toán gồm: Thu từ DNNN Tỉnh quản lý thu trong đó thu các khoản thuế từ Yên 6 tháng đầu năm 2017: 3.800 triệu đồng/ Dự toán : 24.900 triệu đồng. Nguyên nhân đạt thấp do chưa tiêu thụ sản lượng Yên đã khai thác của năm 2017. Bên cạnh đó nguồn thu từ Yên năm 2017 ước thực hiện về sản lượng giảm 30% so với sản lượng năm 2016.

- Chi cục Thuế quản lý thu:

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn thu	Dự toán HDND giao	Ước thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ đạt so với dự toán (%)
	Tổng thu	288.800	162.154	56,15
1	Thu thuế CTN ngoài quốc doanh	142.000	89.000	62,68
2	Thu lệ phí trước bạ	60.000	25.500	42,50
3	Thu phí, lệ phí	8.000	6.000	75,00
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.100	700	63,64
5	Thu tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu NN	10.000	4.954	49,54
6	Thuế thu nhập cá nhân	45.000	22.000	48,89
7	Thu khác ngân sách	8.300	4.500	54,22
8	Các khoản thu khác NS xã phường	12.400	8.000	64,52
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	1.500	75,00

b. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN:

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn thu	Dự toán HDND giao	Ước thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ đạt so với dự toán (%)
	Tổng thu	191.500	103.151	53,86
1	Phí tham quan phố cổ	135.000	74.900	55,48

2	Phí tham quan Cù Lao Chàm	11.000	5.400	49,09
3	Lợi nhuận sau thuế từ Yến	35.000	2.151	6,15
4	Thu học phí	3.500	2.200	62,86
5	Thu các khoản đóng góp	7.000	18.500	264,29

2. Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh:

UTH 6 tháng đầu năm 2017 là 81.043 triệu đồng, đạt 86,91% dự toán HĐND TP (93.248 triệu đồng).

II. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: (Biểu 02)

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2017: Dự toán 835.316 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 297.644 triệu đồng, đạt 36% dự toán (Không tính chi bổ sung ngân sách cấp xã phường). Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Dự toán 396.422 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 114.777 triệu đồng, đạt 29% dự toán (Chưa tính các khoản ứng trước của nhà đầu tư để đèn bù giải phóng mặt bằng: 50.000 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: Dự toán 433.460 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 182.867 triệu đồng, đạt 42,19% dự toán.

- Chi dự phòng: Dự toán 5.434 triệu đồng.

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: Dự toán (NQ HĐND giao) 643.816 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 250.431 triệu đồng, đạt 39% dự toán.

a. **Chi đầu tư phát triển:** Dự toán 281.422 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 92.014 triệu đồng, đạt 33%.

b. **Chi thường xuyên:** Dự toán 356.960 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 158.417 triệu đồng, đạt 44%. Cụ thể:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Ước thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ đạt so với dự toán (%)
1	Chi quốc phòng	5.490	83%
2	Chi An ninh	1.839	46%
3	Chi SN giáo dục	58.542	44%
4	Sự nghiệp đào tạo:	1.117	46%
5	Chi sự nghiệp y tế	173	49%
6	Chi SN Khoa học công nghệ	250	40%
7	Chi SN văn hoá thông tin	2.140	46%
8	Chi SN thể dục, thể thao	846	52%
9	Chi SN phát thanh, truyền hình	965	48%
10	Chi đảm bảo xã hội	20.940	78%
11	Chi sự nghiệp kinh tế	15.668	32%
12	Chi sự nghiệp môi trường	1.343	25%
13	Chi QLHC, Đảng, đoàn thể	43.042	48%
14	Chi khác	6.010	129%
15	Chi hoàn trả các khoản thu về thuế	52	

Các khoản chi 6 tháng đầu năm 2017 đảm bảo thực hiện theo dự toán, một số nội dung chi vượt so dự toán đều tập trung vào nhiệm vụ chi mà Tỉnh bổ sung để thực hiện theo mục tiêu như: hỗ trợ kinh phí thực hiện tinh giản biên chế, kinh phí chi hỗ trợ tiền tết cho các đối tượng chính sách; hỗ trợ kinh phí cho tàu cá tham gia khai thác

2. Chi từ nguồn thu được để lại chi quản lý qua NSNN:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Ước thực hiện	Tỷ lệ đạt so với dự toán (%)
	Tổng chi	47.213	25%
1	Chi đầu tư phát triển	22.763	20%
2	Chi thường xuyên	24.450	32%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

a. Về thu ngân sách:

Năm 2017 là năm đầu triển khai Luật NSNN 2015 và cũng là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020. Thành phố thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trong điều kiện hàng loạt các chính sách mới có hiệu lực như: Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn: Đối với các sản phẩm, dịch vụ được chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước qui định giá. Bên cạnh đó, Nhà nước đang đẩy nhanh lộ trình thực hiện cải cách thuế, giảm mức điều tiết thu đối với một số sắc thuế lớn để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư... đã tác động đến công tác thu ngân sách. Nhưng, với sự tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong công tác thu ngân sách, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan hành thu, các ngành, các địa phương nên các chỉ tiêu thu trên địa bàn đạt cao.

Công tác lập dự toán thu ngân sách đã được xác định cụ thể cho từng nguồn thu, từng sắc thuế phát sinh trên địa bàn, trên cơ sở tích cực chủ động khai thác tốt mọi nguồn thu nhằm tăng thu cho NSNN.

Trong thu phát sinh kinh tế trên địa bàn Thành phố, các khoản thu do Thành phố quản lý thu đạt khá so với dự toán, cụ thể như :

- Thu thuế CTN – NQD đạt 62,68% dự toán.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 75,00% dự toán .
- Thu phí , lệ phí đạt 75,00%
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 63,64% dự toán
- Thu từ phí tham quan phố cổ đạt 55,48% dự toán.

b. Về chi ngân sách:

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm, công tác tổ chức điều hành NSNN đã được triển khai tích cực, chủ động; đảm bảo nguồn đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán, các nhiệm vụ chi về đảm bảo quốc phòng, an ninh và chi các sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, đảm bảo xã hội ...

Hầu hết, các đơn vị được cấp dự toán đã thực hiện chi đảm bảo theo chế độ, định mức Nhà nước quy định và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình, thực hành tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách.

c. Những hạn chế:

Trong công tác triển khai về giá tuy đã được các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú chấp hành thực hiện kê khai, nhưng còn thiếu sự kiểm tra, giám sát tính hợp lý về giá đã kê khai của cơ quan chức năng quản lý về giá và công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan liên quan trong việc niêm yết và bán theo giá niêm yết chưa được thường xuyên, từ đó chưa xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về pháp luật giá, nên lĩnh vực hoạt động kinh doanh này còn thất thu.

Công tác quản lý thu nợ, cưỡng chế nợ thuế đã được cơ quan Thuế triển khai tích cực nhưng bên cạnh đó đôi lúc vẫn còn thiếu sự hỗ trợ tích cực của các ngành, các cấp.

Công tác theo dõi quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh phát sinh trên địa bàn còn nhiều bất cập, chưa đưa vào quản lý thuế kịp thời, chưa có biện pháp quản lý thuế hữu hiệu đối với các phương tiện vận tải tư nhân.

PHẦN THỨ HAI

Trình HĐND điều chỉnh dự toán NSNN năm 2017

I. VỀ THU NGÂN SÁCH: (Biểu 03)

Tổng thu NSNN:

- Theo NQ HĐND từ đầu năm: **1.003.279 triệu đồng**
- Trình HĐND Thành phố cho điều chỉnh tăng: **243.864 triệu đồng.**
- Tổng thu NSNN 2017 (sau điều chỉnh): **1.247.143 triệu đồng.**

* Giải trình phần tăng thu : 243.864 triệu đồng. Gồm:

1. Tăng thu 6 tháng cuối năm của Thành phố:

- Tăng thu từ nguồn năm trước chuyển sang: 194.359 triệu đồng. Trong đó:
 - + Thu chuyển nguồn: 190.119 triệu đồng (Trong đó NSTP: 165.191 triệu đồng; NSXP: 24.928 triệu đồng).
 - + Thu kết dư năm trước: 4.240 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh tăng: 36.043 triệu đồng

2. Tăng, giảm thu 6 tháng cuối năm do Tỉnh giao điều chỉnh dự toán

* Tăng thu do Tỉnh điều chỉnh dự toán: 44.400 triệu đồng

(Tỉnh giao dự toán thu tăng: 53.900 triệu đồng nhưng do NQ HĐND Thành phố đầu năm đã giao tăng các khoản thuế là: 9.500 triệu đồng nên dự toán điều chỉnh là 44.400 triệu đồng).

- Tỉnh điều chỉnh dự toán thu 2017 của Thành phố tăng: 53.900 triệu đồng thì phần ngân sách Thành phố được điều tiết tăng là: 30.938 triệu đồng, cụ thể như sau:

a. Cục thuế quản lý thu tăng: 33.400 triệu đồng, thành phố được điều tiết tăng: 19.038 triệu đồng.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng: 2.300 triệu đồng.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng: 3.100 triệu đồng.

- Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng: 28.100 triệu đồng.

b. Chi cục thuế quản lý thu tăng: 20.500 triệu đồng, Thành phố được điều tiết tăng: 11.900 triệu đồng, nhưng NQ HĐND đầu năm đã tăng các khoản thuế này là: 9.500 triệu đồng nay điều chỉnh tăng 11.000 triệu đồng.

- Thu CTN ngoài quốc doanh tăng: 11.000 triệu đồng.

* Giảm thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho Thành phố: 30.938 triệu đồng

(Tỉnh gán một số nội dung và bố trí kinh phí để Thành phố chi, nay Thành phố phải gánh một số nội dung chi này, Tỉnh không bổ sung kinh phí) gồm:

a. Sự nghiệp quốc phòng: 4.850 triệu đồng.

- Kinh phí huấn luyện dự bị động viên, dân quân tự vệ, phụ cấp đặc thù, phụ cấp trách nhiệm của cán bộ quản lý dân quân tự vệ: 2.313 triệu đồng.

- Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu của xã trọng điểm quốc phòng: 2.537 triệu đồng.

b. Sự nghiệp kinh tế: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính: 19.168 triệu đồng.

c. Sự nghiệp giáo dục: Kinh phí mua sắm, sửa chữa các trường học: 1.850 triệu đồng.

d. Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Kinh phí chi trả hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2014/NĐ-CP: 5.070 triệu đồng.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH: (Biểu 04)

1. Tổng chi NSNN theo NQ HĐND từ đầu năm: 835.316 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi XDCB: 396.422 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên (kể cả cải cách tiền lương): 433.460 triệu đồng.

+ Dự phòng: 5.434 triệu đồng.

2. Trình HĐND TP cho điều chỉnh tăng chi: 224.772 triệu đồng.

* Tăng chi ngân sách: 230.402 triệu đồng. Trong đó :

- Tăng chi XDCB: 153.989 triệu đồng. Gồm :

+ Tăng chi từ nguồn tỉnh bổ sung: 30.018 triệu đồng.

+ Tăng chi từ nguồn XDCB năm 2016 chuyển sang năm 2017: 123.971 triệu đồng (trong đó NS xã phường 7.622 triệu đồng).

- Tăng chi thường xuyên: 70.942 triệu đồng. Gồm :

- + Tăng chi từ nguồn tính bổ sung và chỉ định mục tiêu chi: 6.025 triệu đồng .
- + Tăng chi từ nguồn thường xuyên năm 2016 chuyển sang năm 2017: 60.677 triệu đồng (trong đó NS xã phường 12.946 triệu đồng).
- + Tăng chi để đảm bảo các nhiệm vụ chi 6 tháng cuối năm: 4.240 triệu đồng .
- Tăng nguồn dự phòng: 5.471 triệu đồng (trong đó NS xã phường 4.361 triệu đồng). (Chuyển nguồn năm 2016 sang 2017).
- * Giảm chi ngân sách: 5.630 triệu đồng. Trong đó:
- Giảm chi thường xuyên: 2.815 triệu đồng (Chưa chi cho các cơ quan, ban ngành).
- Giảm chi cải cách tiền lương: 2.815 triệu đồng.

Như vậy, tổng chi NSNN năm 2017 (sau khi điều chỉnh): 1.060.088 triệu đồng, trong đó:

- + Chi XDCB: 550.411 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên kể cả CCTL: 498.772 triệu đồng.
- + Dự phòng: 10.905 triệu đồng.

III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ:

1. Các giải pháp:

a. Về thu ngân sách:

- Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, tăng cường phối hợp giữa các ngành, các địa phương để đẩy mạnh thực hiện các nguồn thu, thường xuyên rà soát tiến độ thu ngân sách để có giải pháp đốc thu, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu năm 2017 đã đề ra; đảm bảo cân đối chi để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Các ngành chức năng, các địa phương thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu, rà soát và nắm chắc các nguồn thu phát sinh trên địa bàn; xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, các loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; tăng cường công tác đôn đốc thu nộp, triển khai có hiệu quả các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, đảm bảo thực hiện đúng, đủ các biện pháp quản lý nợ đối với người nộp thuế còn nợ thuế theo quy định tại các văn bản quy định pháp luật và quy trình quản lý nợ thuế, hạn chế nợ thuế phát sinh mới.

- Đẩy mạnh việc tranh thủ các nguồn thu bổ sung từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và hỗ trợ từ bên ngoài; tích cực khai thác các nguồn thu từ đầu tư quyền sử dụng đất.

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư bồi dưỡng cho các nguồn thu mới, hướng dẫn cho các địa phương có biện pháp khai thác tốt các nguồn thu tại địa bàn để giảm nguồn đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách Thành phố.

b. Về chi ngân sách:

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2017.

- Các cơ quan ban ngành, các địa phương tiết kiệm thêm 10% (không kể các khoản chi tiền lương, có tính chất lương và các khoản mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng trước ngày 30/06/2017) giữ lại tại ngân sách cấp Thành phố, cấp xã, phường.

- Dừng triển khai và thu hồi các khoản kinh phí thường xuyên đến 30/06/2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện (trừ nhiệm vụ chi theo thời vụ, kinh phí phòng chống thiên tai, dịch bệnh, kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, kinh phí an ninh quốc phòng...).

- Điều hành chi ngân sách căn cứ vào khả năng nguồn thu, ưu tiên chi lương và các khoản theo lương, các nhiệm vụ chi về chính sách xã hội, phòng chống, khắc phục hậu quả về thiên tai ...

- Đẩy mạnh giải ngân vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại...

- Triển khai thực hiện Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/04/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 25/4/20106 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực cụ thể, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2017, phân loại đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kì ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực chi sự nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc NSNN giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công đối với các khoản chi đã được kết cấu vào phí, thu khác và giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

- Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường phải chủ động rà soát các nhiệm vụ chi trong dự toán năm được giao, tăng cường quản lý chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, tiết giảm tối đa các chi phí điện, nước, văn phòng phẩm ...cắt giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đi công tác trong và ngoài nước;

- Chuẩn bị về số liệu, đánh giá và phân tích tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng đầu năm và cả năm 2017 đối với ngân sách thành phố, xã, phường để triển khai thực hiện lập dự toán thu, chi ngân sách năm 2018.

2. Kiến nghị:

Để đảm bảo nhiệm vụ chi 6 tháng cuối năm 2017 trình HĐND thành phố cho sử dụng từ hai nguồn:

a. Xin sử dụng từ kết dư ngân sách năm 2016 để chi một số nhiệm vụ: 5.640 triệu đồng, trong đó bổ sung chi cho các cơ quan, ban ngành: 4.240 triệu đồng (theo biểu đính kèm); để bù đắp phần dự kiến hụt thu từ các khoản thuế từ Yên: 1.400 triệu đồng.

b. Xin sử dụng từ nguồn thu phí tham quan phổ cổ chưa phân bổ theo dự toán đầu năm: 12.893 triệu đồng, trong đó bổ sung chi cho các cơ quan, ban ngành: 10.018 triệu đồng (theo biểu đính kèm); để bù đắp phần dự kiến hụt thu từ các khoản thuế từ Yên: 2.875 triệu đồng.

c. Đề xuất giảm chi thường xuyên (SNKT): 2.815 triệu đồng (Chưa chi cho các cơ quan, ban ngành); Giảm nguồn CCTL: 2.815 triệu đồng.

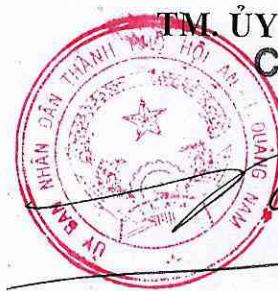
d. Thu các khoản thuế từ Yên giảm:

Tỉnh đã điều chỉnh tăng thu các khoản thuế từ Cục thuế quản lý thu: 33.400 triệu đồng chưa đề cập đến khoản thu thuế từ Yên. Nên Thành phố dự kiến các khoản thu thuế từ Yên giảm: 7.500 triệu đồng (do giảm sản lượng 30% so với sản lượng năm 2016), ngân sách Thành phố bị giảm phần điều tiết: 4.275 triệu đồng và xin sử dụng từ hai nguồn trên để bù đắp vào phần dự kiến hụt thu từ Yên, đồng thời xin không điều chỉnh tăng, giảm dự toán 6 tháng cuối năm từ các khoản này (Nguồn thu Tỉnh quản lý thu).

Trên đây là Báo cáo tình hình thu – chi NSNN 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm. UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Đại biểu khách mời;
- Các ngành, địa phương liên quan;
- Lưu: VT, TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC 06 THÁNG NĂM 2017

Biểu : 01

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017 (THEO NQHND; QĐ UBND)				ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2017				SƠ SÁNH TH 2017 / DỰ TOÁN		
		TỔNG THU	TRONG ĐÓ	TỔNG THU	TRONG ĐÓ	TỔNG THU	TRONG ĐÓ	TỔNG THU	TRONG ĐÓ	NSNN	NS T.PHỐ	NS XÃ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7.4	11=8.5		
	TỔNG THU NSNN (A+B)	1.003.279.000	953.203.000	50.076.000	601.707.000	537.014.000	64.693.000	59.97	56.34	129.19		
A	CÁC KHOẢN THU NSNN TRÊN ĐỊA BẢN	910.031.000	859.955.000	50.076.000	520.664.000	455.971.000	64.693.000	57.21	53.02	129.19		
I	THU PHÁT SINH KINH TẾ	718.531.000	668.455.000	50.076.000	417.513.000	353.156.000	64.357.000	58.11	52.83	128.52		
*	TÌNH QUẢN LÝ THU	199.731.000	199.731.000	0	144.313.000	133.313.000	11.000.000	72.25	66.75			
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước	54.672.000	54.672.000	0	22.898.000	22.898.000	0	41.88	41.88			
	- Thuế giá trị gia tăng	26.624.000	26.624.000	0	14.143.000	14.143.000	0	53.12	53.12			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.136.000	20.136.000	0	6.959.000	6.959.000	0	34.56	34.56			
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	500.000	500.000	0	284.000	284.000	0	56.80	56.80			
	- Thuế tài nguyên	7.412.000	7.412.000	0	1.456.000	1.456.000	0	19.64	19.64			
	- Thuế môn bài	0	0	0	0	0	0	0	0			
	- Thu khác	0	0	0	56.000	56.000	0	0	0			
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	37.900.000	37.900.000	0	20.596.000	20.596.000	0	54.34	54.34			
	- Thuế giá trị gia tăng	26.163.000	26.163.000	0	12.846.800	12.846.800	0	49.10	49.10			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.267.000	11.267.000	0	7.249.000	7.249.000	0	64.34	64.34			
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	470.000	470.000	0	498.000	498.000	0	105.96	105.96			
	- Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0			
	- Thuế môn bài	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0			
	- Thu tiền cho thuê đất	0	0	0	0	0	0	0	0			
	- Thu Khác	0	0	0	200	200	0	0	0			
3	Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh	83.759.000	83.759.000	0	58.019.000	58.019.000	0	69.27	69.27			
	- Thuế giá trị gia tăng	74.621.000	74.621.000	0	37.815.500	37.815.500	0	50.68	50.68			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.645.000	6.645.000	0	19.256.000	19.356.000	0	291.29	291.29			
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.481.000	2.481.000	0	688.000	688.000	0	27.73	27.73			
	- Thuế môn bài	0	0	0	500	500	0	0	0			
	- Thuế tài nguyên	12.000	12.000	0	9.000	9.000	0	75.00	75.00			
	- Thu Khác	0	0	0	150.000	150.000	0	0	0			

ĐVT : 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DU TOÁN NĂM 2017 (THEO NQHĐND; QĐ UBND)				UỐC THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2017				SO SÁNH TH 2017 / DỰ TOÁN		
		TỔNG THU		TỔNG THU		TỔNG THU		TỔNG THU		TỔNG THU		
		TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NS T PHỐ	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NS XÃ	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NS T.PHỐ	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NS XÃ	TỔNG THU NS T PHỐ	TRONG ĐÓ NS XÃ	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10=7:4	11=8:5	
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.500.000	13.500.000	0	11.000.000	0	11.000.000	0	81.48	0,00		
5	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	24.000.000	24.000.000	0	0				
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	7.000.000	7.000.000	5.500.000	5.500.000	0	78,57	78,57				
7	Thu phí và lệ phí	900.000	900.000	900.000	900.000	0	100.00	100.00				
8	Thu khác ngân sách	2.000.000	2.000.000	1.400.000	1.400.000	0	70,00	70,00				
* THÀNH PHỐ QUẢN LÝ THU		518.800.000	468.724.000	50.076.000	273.200.000	219.843.000	53.357.000	52,66	46,90			
1	Thu CTN ngoài quốc doanh	142.000.000	118.739.000	23.261.000	89.000.000	68.345.000	20.655.000	62,68	57,56	88,80		
- Thuế giá trị gia tăng		123.000.000	99.739.000	23.261.000	66.913.000	46.258.000	20.655.000	54,40	46,38	88,80		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		13.600.000	13.600.000	20.731.000	20.731.000	0	152,43	152,43				
- Thuế TTBĐ hàng hóa, dịch vụ trong nước		660.000	660.000	454.000	454.000	0	68,79	68,79				
- Thuế tài nguyên		40.000	40.000	16.000	16.000	0	40,00	40,00				
- Thuế môn bài		0	0	0	84.000	84.000	0	0	17,06	17,06		
- Thu khác ngoài quốc doanh		4.700.000	4.700.000	802.000	802.000	0						
2	Lệ phí trước bạ	60.000.000	60.000.000	25.500.000	25.500.000	0	42,50	42,50				
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0				
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	706.000	1.294.000	1.500.000	678.000	822.000	75,00	96,03	63,52		
5	Thu phí, lệ phí	8.000.000	6.174.000	1.826.000	6.000.000	4.120.000	1.880.000	75,00	66,73	102,96		
6	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0	0				
7	Tiền sử dụng đất	190.000.000	190.000.000	0	110.000.000	110.000.000	0	57,89	57,89			
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.100.000	1.100.000	0	700.000	700.000	0	63,64	63,64			
9	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	40.000.000	40.000.000	0	1.046.000	1.046.000	0	2,62	2,62			
10	Thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	10.000.000	10.000.000	4.954.000	4.954.000	0	49,54	49,54				
11	Thuế thu nhập cá nhân	45.000.000	33.705.000	11.295.000	22.000.000	0	22.000.000	48,89	0,00	194,78		
12	Thu khác ngân sách	8.300.000	8.300.000	0	4.500.000	4.500.000	0	54,22	54,22			
13	Các khoản thu khác Ngân sách xã	12.400.000	0	12.400.000	8.000.000	0	8.000.000	64,52	64,52			
II	Thu các khoản thu năm trước chuyển sang	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Thu kết dư NS Thành phố											
2	Thu chuyển nguồn											
III	Các khoản thu được để lại chi và QL qua NSNN	191.500.000	191.500.000	0	103.151.000	102.815.000	336.000	53,86	53,69			
	-Thu phí tham quan phổ cộ	135.000.000	135.000.000	0	74.900.000	74.900.000	0	55,48	55,48			
	-Thu phí tham quan CLC	11.000.000	11.000.000	5.400.000	5.400.000	0						

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017 (THEO NQHĐND; QĐ UBND)			ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2017			SO SÁNH TH 2017 /DỰ TOÁN			
		TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NST.PHỐ	NS XÃ	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NST.PHỐ	NS XÃ	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ NST.PHỐ	NS XÃ	TRONG ĐÓ 10=7.4
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7.4	11=8.5	
	- Thu các khoản đóng góp	7.000.000	7.000.000	0	18.500.000	18.164.000	336.000	264.29	259.49		
	- Thu học phí	3.500.000	3.500.000	0	2.200.000	2.200.000	0	62.86	62.86		
	- Thu lợi nhuận sau thuế từ Yên	35.000.000	35.000.000		2.151.000	2.151.000	0	6,15	6,15		
B	THU BỔ SUNG TỪ NS TỈNH	93.248.000	93.248.000	0	81.043.000	81.043.000	0	86,91	86,91		

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC UỐC 06 THÁNG NĂM 2017
(LOẠI TRỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC)

Biểu : 01A

ĐVT : 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017 (THEO NQHĐND; QĐ UBND)				06 THÁNG NĂM 2017				ƯỚC 06 THÁNG NĂM 2017				SO SÁNH TH 2017 /DỰ TOÁN	
		TỔNG THU		TRONG ĐÓ		TỔNG THU		TRONG ĐÓ		TỔNG THU		TRONG ĐÓ		NST. PHÓ	NST XÃ
		NSNN	NST.PHÓ	NS XÃ	NSNN	NST.PHÓ	NS XÃ	NSNN	NST.PHÓ	NS XÃ	NST.PHÓ	NS XÃ	9=6.3	10=7.4	11=8.5
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG THU NSNN (A+B)	773.279.000	723.203.000	50.076.000	466.661.000	401.968.000	64.693.000	60.35	55.58	129.19					
A	CÁC KHOẢN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	680.031.000	629.955.000	50.076.000	385.618.000	320.925.000	64.693.000	56.71	50.94	129.19					
I	THU PHÁT SINH KINH TẾ	488.531.000	438.455.000	50.076.000	282.467.000	218.110.000	64.357.000	57.82	49.75	128.52					
*	TÌNH QUẢN LÝ THU	199.731.000	199.731.000	0	120.313.000	109.313.000	11.000.000	60.24	54.73						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước	54.672.000	54.672.000	0	22.898.000	22.898.000	0	0	41.88	41.88					
	- Thuế giá trị gia tăng	26.624.000	26.624.000	0	14.143.000	14.143.000	0	0	53.12	53.12					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.136.000	20.136.000	0	6.959.000	6.959.000	0	0	34.56	34.56					
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	500.000	500.000	0	284.000	284.000	0	0	56.80	56.80					
	- Thuế tài nguyên	7.412.000	7.412.000	0	1.456.000	1.456.000	0	0	19.64	19.64					
	- Thuế môn bài	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
	- Thu khác	0	0	0	56.000	56.000	0	0	0	0					
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	37.900.000	37.900.000	0	20.596.000	20.596.000	0	0	54.34	54.34					
	- Thuế giá trị gia tăng	26.163.000	26.163.000	0	12.846.800	12.846.800	0	0	49.10	49.10					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.267.000	11.267.000	0	7.249.000	7.249.000	0	0	64.34	64.34					
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	470.000	470.000	0	498.000	498.000	0	0	105.96	105.96					
	- Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
	- Thuế môn bài	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0					
	- Thu tiền cho thuê đất	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
	- Thu khác	0	0	0	200	200	0	0	0	0					
3	Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh	83.759.000	83.759.000	0	58.019.000	58.019.000	0	0	69.27	69.27					
	- Thuế giá trị gia tăng	74.621.000	74.621.000	0	37.815.500	37.815.500	0	0	50.68	50.68					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.645.000	6.645.000	0	19.356.000	19.356.000	0	0	291.29	291.29					
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.481.000	2.481.000	0	688.000	688.000	0	0	27.73	27.73					
	- Thuế môn bài	0	0	0	500	500	0	0	0	0					

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017 (THEO NQHĐND; QĐ UBND)						UỐC 06 THÁNG NĂM 2017				SO SÁNH TH 2017 / DỰ TOÁN	
		TỔNG THU		TRONG ĐÓ		TỔNG THU		TRONG ĐÓ		TỔNG THU		TRONG ĐÓ	
		NSNN	NS T.PHỐ	NS XÃ	NSNN	NS T.PHỐ	NS XÃ	NSNN	NS T.PHỐ	NS XÃ	NSNN	NS T.PHỐ	NS XÃ
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6.3	11=8.5	10=7.4	11=8.5	
III	Các khoản thu được để lãi chi và QL qua NSNN	191.500.000			0	103.151.000		102.815.000		336.000	53.86	53.69	
	- Thu phí tham quan phố cổ	135.000.000	135.000.000		0	74.900.000		74.900.000		0	55.48	55.48	
	- Thu phí tham quan CLC	11.000.000	11.000.000			5.400.000		5.400.000			49.09	49.09	
	- Thu các khoản đóng góp	7.000.000	7.000.000		0	18.500.000		18.164.000		336.000	264.29	259.49	
	- Thu học phí	3.500.000	3.500.000		0	2.200.000		2.200.000		0	62.86	62.86	
	- Thu lợi nhuận sau thuế từ Yên	35.000.000	35.000.000			2.151.000		2.151.000		0	6,15	6,15	
B	THU BỐ SUNG TỪ NS TỈNH	93.248.000		0	81.043.000		81.043.000		0	86.91	86.91		

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG

Biểu số: 02

ĐVT: 1000đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Mã NVC	Dự toán UBND TP giao				Ước thực hiện 6 tháng				So sánh	
		Tổng số	NS thành phố	NS xã, phường	Tổng số	NS thành phố	NS xã, phường	TH/DT (thành phố)	TH/DT (Xã)	Trong đó	
1	2	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12	13	13	
TỔNG CHI NSDP	800	835.315.536	751.256.536	84.059.000	297.644.000	237.685.000	59.959.000	36%	32%	71%	
A- TỔNG CHI CÂN ĐO INSDP	810	643.815.536	572.499.536	71.316.000	250.431.000	197.038.000	53.393.000	39%	34%	75%	
I- CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	820	281.422.000	281.422.000	0	92.014.000	80.638.000	11.376.000	33%	29%		
1- Chi đầu tư XDCCB	821	91.422.000	91.422.000	0	52.327.000	52.327.000	0	57%	57%		
- Chi từ nguồn XDCCB tập trung		17.900.000	17.900.000		6.600.000	6.600.000		37%	37%		
- Chi từ nguồn thu bán nhà sở hữu NN		40.000.000	40.000.000		25.230.000	25.230.000		63%	63%		
- Chi từ nguồn TW, Tỉnh bổ sung		33.522.000	33.522.000		20.497.000	20.497.000		61%	61%		
2- Chi XDCCB từ nguồn thu sử dụng đất	822	190.000.000	190.000.000		14.041.000	14.041.000		7%	7%		
3- Chi đầu tư phát triển khác	859				25.646.000	14.270.000	11.376.000				
II- CHI THƯỜNG XUYÊN	860	330.767.317	260.635.317	70.132.000	158.417.000	116.400.000	42.017.000	48%	45%	60%	
1- Chi quốc phòng	861	6.622.000	5.450.000	1.172.000	5.490.000	4.400.000	1.090.000	83%	81%	93%	
2- Chi An ninh	862	3.990.000	459.000	3.531.000	1.839.000	250.000	1.589.000	46%	54%	45%	
3- Chi SN giáo dục	864	134.005.400	133.745.400	260.000	58.542.000	58.442.000	100.000	44%	44%	38%	
4- Sự nghiệp đào tạo	865	2.451.700	2.451.700		1.117.000	1.117.000		46%	46%		
5. Chi sự nghiệp y tế		350.000	90.000	260.000	173.000	50.000	123.000	49%	56%	47%	
6- Chi Khoa học công nghệ	867	620.000	620.000		250.000	250.000		40%	40%		
7- Chi SN văn hoá thông tin	868	4.700.280	3.648.280	1.052.000	2.140.000	1.242.000	898.000	46%	34%	85%	
8- Chi SN thể dục, thể thao	871	1.621.565	962.565	659.000	846.000	541.000	305.000	52%	56%	46%	
9- Chi SN phát thanh, truyền hình	869	2.006.125	1.675.125	331.000	965.000	852.000	113.000	48%	51%	34%	

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Mã NVC	Dự toán UBND TP giao			Ước thực hiện 6 tháng			So sánh		
		Tổng số	NS thành phố	NS xã, phường	Tổng số	NS thành phố	NS xã, phường	Trong đó		
								TH/DT (thành phố)	TH/DT (Xã)	
1	2	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12	13	13
10- Chi đàm bảo xã hội	872	26.874.000	25.024.000	1.850.000	20.940.000	13.708.000	7.232.000	78%	55%	391%
11- Chi sự nghiệp kinh tế	873	48.608.958	44.650.958	3.958.000	15.668.000	14.935.000	733.000	32%	33%	19%
12- Chi sự nghiệp môi trường	874	5.335.000	4.440.000	895.000	1.343.000	1.000.000	343.000	25%	23%	38%
13- Chi QLHC, Đảng, đoàn thể	875	88.928.289	33.045.289	55.883.000	43.042.000	15.047.000	27.995.000	48%	46%	50%
14- Chi trợ giá	876	0		0						
15- Chi khác	877	4.654.000	4.373.000	281.000	6.010.000	4.514.000	1.496.000	129%	103%	532%
16- Chi hoàn trả các khoản thu về thuế		0		52.000	52.000	0				
17- Chi Chương trình MTQG		0		0						
III- DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	932	5.434.000	4.250.000	1.184.000	0	0	0	0%	0%	0%
IV- CHI CÁI CÁCH TIỀN LƯƠNG	933	26.192.219	26.192.219	0	0	0	0	0%	0%	0%
B- CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI										
QUẢN LÝ QUÀ NSNN	960	191.500.000	178.757.000	12.743.000	47.213.000	40.647.000	6.566.000	25%	23%	52%
1- Chi đầu tư XDCB	964	115.000.000	115.000.000	0	22.763.000	22.763.000	0	20%	20%	
+ Lợi nhuận sau thuế từ Yên		35.000.000	35.000.000	5.701.000	5.701.000	5.701.000	0	0%	0%	
<i>Trong đó chi kiêng thiết thi chính</i>				0						
+ Phi tham quan phổ cộ		67.500.000	67.500.000	17.062.000	17.062.000	17.062.000	0	25%	25%	
<i>Trong đó chi kiêng thiết thi chính</i>				0						
+ Chi đầu tư phí tham quan BT Biên		20.000.000	20.000.000	0				0%	0%	
+ Chi đầu tư từ nguồn thu CSHT		5.500.000	5.500.000	0				0%	0%	
2- Chi thường xuyên	965	76.500.000	63.757.000	12.743.000	24.450.000	17.884.000	6.566.000	32%	28%	52%
+ Chi từ nguồn thu học phí		3.500.000	3.500.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	0	57%	57%	
+ Phí tham quan		67.500.000	54.757.000	12.743.000	22.100.000	15.534.000	6.566.000	33%	28%	52%
+ Chi từ nguồn thu đóng góp				0	50.000	50.000	50.000			
+ Chi từ phí tham quan BT Biên		5.500.000	5.500.000	0			350.000		6%	6%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 ĐIỀU CHỈNH TRÌNH HĐND

Biểu số : 03

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017		DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH		DỰ TOÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
		TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ Ngân sách Thành phố	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ Ngân sách Thành phố	TỔNG THU NSNN	TRONG ĐÓ Ngân sách Thành phố
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8
	TỔNG THU NSNN (A+B)	1.003.279.000	953.203.000	50.076.000	243.863.866	218.936.194	24.927.672
A	CÁC KHOẢN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	910.031.000	859.955.000	50.076.000	238.758.866	213.831.194	1.148.789.866
I	THU PHÁT SINH KINH TẾ	718.531.000	668.455.000	50.076.000	44.400.000	0	762.931.000
*	CỤC THUẾ QUẢN LÝ THU	199.731.000	199.731.000	0	33.400.000	0	233.131.000
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước	54.672.000	54.672.000	0	2.300.000	0	56.972.000
	- Thuế giá trị gia tăng	26.624.000	26.624.000	900.000	900.000	0	27.524.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.136.000	20.136.000	1.400.000	1.400.000	0	21.536.000
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	500.000	500.000	0	0	0	500.000
	- Thuế tài nguyên	7.412.000	7.412.000	0	0	0	7.412.000
	- Thuế môn bài	0	0	0	0	0	0
	- Thu khác	0	0	0	0	0	0
2	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	37.900.000	37.900.000	0	3.100.000	0	41.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	26.163.000	26.163.000	1.900.000	1.900.000	0	28.063.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.267.000	11.267.000	1.200.000	1.200.000	0	12.467.000
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	470.000	470.000	0	0	0	470.000
3	Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh	83.759.000	83.759.000	0	28.000.000	0	111.759.000
	- Thuế giá trị gia tăng	74.621.000	74.621.000	15.600.000	15.600.000	0	90.221.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.645.000	6.645.000	12.400.000	12.400.000	0	19.045.000
	- Thuế TTDB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.481.000	2.481.000	0	0	0	2.481.000
	- Thuế tài nguyên	12.000	12.000	0	0	0	12.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.500.000	13.500.000	0	0	0	13.500.000
5	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	7.000.000	7.000.000	900.000	900.000	0	7.000.000
7	Thu phí và lệ phí	2.000.000	2.000.000	0	0	0	900.000
8	Thu khác ngân sách	518.800.000	468.724.000	50.076.000	11.000.000	0	2.000.000
*	CHI CỤC THUẾ QUẢN LÝ THU	142.000.000	118.739.000	23.261.000	11.000.000	0	529.800.000
1	Thu CTN ngoài quốc doanh	0	0	0	0	0	129.739.000
		142.000.000	118.739.000	23.261.000	11.000.000	0	153.000.000
						0	129.739.000

ĐVT : 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2017		DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH		DỰ TOÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH				
		TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ				
		TỔNG THU NSNN	Ngân sách Thành phố	TỔNG THU NSNN	Ngân sách Thành phố	Ngân sách xã phường	Ngân sách Thành phố			
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4+7	11=5+8
	- Thuế giá trị gia tăng	123.000.000	99.739.000	23.261.000	11.000.000	11.000.000		134.000.000	110.739.000	23.261.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.600.000	13.600.000	0	0	0		13.600.000	13.600.000	0
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	660.000	660.000	0	0	0		660.000	660.000	0
	- Thuế tài nguyên	40.000	40.000	0	0	0		40.000	40.000	0
	- Thu khác ngoài quốc doanh	4.700.000	4.700.000	0	0	0		4.700.000	4.700.000	0
2	Lệ phí trước bạ	60.000.000	60.000.000	0	0	0		60.000.000	60.000.000	0
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	706.000	1.294.000	0	0		2.000.000	706.000	1.294.000
4	Thu phi, lệ phí	8.000.000	6.174.000	1.826.000	0	0		8.000.000	6.174.000	1.826.000
5	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			0	0	0		0	0	0
6	Tiền sử dụng đất	190.000.000	190.000.000	38.954.000	38.954.000	38.954.000		228.954.000	228.954.000	0
7	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1.100.000	1.100.000	0	0	0		1.100.000	1.100.000	0
8	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu N.N	40.000.000	40.000.000	-38.954.000	-38.954.000	-38.954.000		1.046.000	1.046.000	0
9	Thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu N.N	10.000.000	10.000.000	0	0	0		10.000.000	10.000.000	0
10	Thuế thu nhập cá nhân	45.000.000	33.705.000	11.295.000	0	0		45.000.000	33.705.000	11.295.000
11	Thu khác ngân sách	8.300.000	8.300.000	0	0	0		8.300.000	8.300.000	0
12	Các khoản thu khác Ngân sách xã	12.400.000	0	12.400.000	0	0		12.400.000	0	12.400.000
II	Thu các khoản thu năm trước chuyển sang	0	0	0	0	0		0	0	0
1	Thu kết dư NS Thành phố			165.516.314	141.763.196	23.753.118		165.516.314	141.763.196	23.753.118
2	Thu chuyển nguồn			4.239.946	4.239.946	4.239.946		4.239.946	4.239.946	0
III	Các khoản thu được để lại chi và QL qua NS	191.500.000	191.500.000	0	28.842.552	27.667.998	1.174.554	220.342.552	219.167.998	1.174.554
	- Thu phi tham quan phổ cổ	135.000.000	135.000.000	0	0	0		135.000.000	135.000.000	0
	- Thu phi tham quan Cù Lao Chàm	11.000.000	11.000.000					11.000.000	11.000.000	0
	- Thu các khoản đóng góp	7.000.000	7.000.000	0	0	0		7.000.000	7.000.000	0
	- Thu học phí	3.500.000	3.500.000	0	0	0		3.500.000	3.500.000	0
	- Thu lợi nhuận sau thuế từ Yên	35.000.000	35.000.000	0	0	0		35.000.000	35.000.000	0
	- Thu kết dư, chuyển nguồn			28.842.552	27.667.998	1.174.554		28.842.552	27.667.998	1.174.554
B	THU BỔ SUNG TỪ NS TỈNH	93.248.000	93.248.000	5.105.000	5.105.000	98.353.000		98.353.000	98.353.000	0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 ĐIỀU CHỈNH TRÌNH HDND

Biểu số : 04

DVT: 1.000 đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI		DỰ TOÁN CHI NĂM 2017			DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH		
Mã NVC	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
		Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã, phường	Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã, phường	Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã, phường	Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã, phường	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4+7	11=5+8
TỔNG CHI NSDP	800	835.315.536	751.256.536	84.059.000	224.771.866	192.232.026	32.539.840	1.060.087.402	943.488.562	116.598.840
A- TỔNG CHI CĂN ĐỒI NSDP	810	643.815.536	572.499.536	71.316.000	195.929.313	164.564.027	31.365.286	839.744.849	737.063.563	102.681.286
I- CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	820	281.422.000	281.422.000	0	142.492.830	134.871.283	7.621.547	423.914.830	416.293.283	7.621.547
1- Chi đầu tư XDCCB	821	91.422.000	91.422.000	0	-8.935.945	-8.935.945	0	82.486.055	82.486.055	0
- Chi từ nguồn XDCCB tập trung		17.900.000	17.900.000	0				17.900.000	17.900.000	0
Chi từ nguồn thu bán nhà số hưu NN		40.000.000	40.000.000	-38.954.000	-38.954.000			1.046.000	1.046.000	0
- Chi từ nguồn TN, Tình bộ sung		33.522.000	33.522.000	30.018.055	30.018.055			63.540.055	63.540.055	0
2- Chi XDCCB từ nguồn thu sử dụng đất	822	190.000.000	190.000.000	38.954.000	38.954.000			228.954.000	228.954.000	0
3- Chi đầu tư từ nguồn chuyên nguồn	859			112.474.775	104.853.228	7.621.547		112.474.775	104.853.228	7.621.547
II- CHI THUỐNG XUYÊN	860	330.767.317	260.635.317	70.132.000	24.708.391	11.440.964	13.267.427	355.475.708	272.076.281	83.399.427
1- Chi quốc phòng	861	6.622.000	5.450.000	1.172.000	360.000	360.000		6.982.000	5.810.000	1.172.000
2- Chi An ninh	862	3.990.000	459.000	3.531.000	38.704	10.000	28.704	4.028.704	469.000	3.559.704
3- Chi SNS giáo dục	864	134.005.400	133.745.400	260.000	802.586	802.586		134.807.986	134.547.986	260.000
4- Sự nghiệp đào tạo:	865	2.451.700	2.451.700	0	0	0		2.451.700	2.451.700	0
5- Chi sự nghiệp y tế		350.000	90.000	260.000	0			350.000	90.000	260.000
6- Chi SNS Khoa học công nghệ	867	620.000	620.000	0				620.000	620.000	0
7- Chi SNS văn hóa thông tin	868	4.700.280	3.648.280	1.052.000	1.462.224	752.346	709.878	6.162.504	4.400.626	1.761.878
8- Chi SNS thể dục, thể thao	871	1.621.565	962.565	659.000	4.672	4.672	1.626.237	962.565	663.672	331.000
9- Chi SNS phát thanh, truyền hình	869	2.006.125	1.675.125	331.000	0			2.006.125	1.675.125	331.000
10- Chi đảm bảo xã hội	872	26.874.000	25.024.000	1.850.000	4.528.764	1.589.244	2.939.520	31.402.764	26.613.244	4.789.520
11- Chi sự nghiệp kinh tế	873	48.608.958	44.650.958	3.958.000	3.552.082	1.999.246	1.552.836	52.161.040	46.650.204	5.510.836
12- Chi sự nghiệp môi trường	874	5.335.000	4.440.000	895.000	3.005.721	2.981.485	24.236	8.340.721	7.421.485	919.236
13- Chi QLHC, Đăng, doan thê	875	88.928.289	33.045.289	55.883.000	9.669.354	1.838.388	7.770.966	98.537.643	34.883.677	63.653.966
14- Chi trợ giá	876	0		0	0	0		0	0	0
15- Chi khác	877	4.654.000	4.373.000	281.000	1.067.000	1.067.000		5.721.000	5.440.000	281.000
16- Chi hoàn trả các khoản thu về thuế		0		0				0	0	0
17- Chi Chương trình MTQG		0		277.283	40.668	236.615	277.283	40.668	236.615	
III- DỰ PHÒNG NGÂN SẠCH	932	5.434.000	4.250.000	1.184.000	5.471.030	1.110.504	4.360.526	10.905.030	5.360.504	5.544.526
IV- CHI CÁC CÁCH TIẾN LƯƠNG	933	26.192.219	26.192.219	23.257.062	17.141.276	6.115.786	49.449.281	43.333.495	6.115.786	
B- CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI	960	191.500.000	178.757.000	12.743.000	28.842.553	27.667.999	1.174.554	220.342.553	206.424.999	13.917.554

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN CHI NĂM 2017			DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH		
	Mã NVC	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ		
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã,phường	TỔNG SỐ	Ngân sách Thành phố	Ngân sách Xã,phường	TỔNG SỐ	
1- Chi đầu tư XDCB	964	115.000.000	115.000.000	0	12.493.343	11.495.765	997.578	127.493.343	126.495.765
+ Lợi nhuận sau thuế từ Yên		35.000.000	35.000.000		0			35.000.000	35.000.000
Trong đó chi kiến thiết thi chính		9.500.000	9.500.000		0			9.500.000	9.500.000
+ Phí tham quan phô cô		67.500.000	67.500.000		0			67.500.000	67.500.000
Trong đó chi kiến thiết thi chính		20.000.000	20.000.000		0			20.000.000	20.000.000
+ Chi từ phí tham quan BT Biên		5.500.000	5.500.000		0			5.500.000	5.500.000
+ Chi đầu tư từ nguồn thu CSHT		7.000.000	7.000.000		0			7.000.000	7.000.000
+ Chi đầu tư từ nguồn chuyên nguồn					12.493.343	11.495.765	997.578	12.493.343	11.495.765
2- Chi thường xuyên	965	76.500.000	63.757.000	12.743.000	16.349.210	16.172.234	176.976	92.849.210	79.929.234
+ Chi từ nguồn thu học phí		3.500.000	3.500.000		0			3.500.000	3.500.000
+ Phí tham quan		67.500.000	54.757.000	12.743.000	0			67.500.000	54.757.000
+ Chi từ nguồn thu đóng góp khác					0			0	0
+ Chi từ phí tham quan B1 Biên		5.500.000	5.500.000		0			5.500.000	5.500.000
+ Chi từ nguồn chuyên nguồn		0			16.349.210	16.172.234	176.976	16.349.210	16.172.234